TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/KDTM - PT
Ngày: 07 tháng 12 năm 2020
V/v: "Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mai Hiển Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 13, 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐ-PT ngày 04/9/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QS - PT ngụy 18/9/2020, số: 05/2020/QĐ - PT ngày 25/9/2020, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QQĐ - PT ngày 28/10/2020, Thông báo thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa ngày 08/10/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐ - PT ngày 23/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: Tháp B, 35 H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Ngọc T, Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh H (Theo Quyết định ủy quyền số 609/QĐ-BIDV ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ).

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn L, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp (Theo Quyết định ủy quyền số 63309/QĐ-BIDV.HN ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh

H); ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1983, chức vụ: Phó trưởng phòng Ban Pháp chế Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Theo Quyết định ủy quyền số 696/QĐ-BIDV.HN ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) Xây dựng 2; địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 8, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1961.

3.2. Anh Dương Ngọc A, sinh năm 1989.

3.3. Anh Dương Mạnh D, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số nhà 48, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị N, anh Dương Ngọc A, anh Dương Mạnh D: Luật sư Bùi Đình Ứng, Bùi Thanh Thương - Văn phòng Luật sư Bùi Đình Ứng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

3.4. Ông Lê Ngọc Đ; địa chỉ: Xóm 10, xã Diễm Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

4.Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị N, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2018, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tháng 2/2010 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H đã cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt là TNHH) Xây dựng 2 vay tổng số tiền 600.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng theo 2 hợp đồng tín dụng số 482/2010/000188 ngày 10/2/2010 với số tiền vay 400.000.000đ và hợp đồng tín dụng số 482/2010/0000219 ngày 25/2/2010 với số tiền vay 200.000.000đ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ bà Đỗ Thị N tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, tổ 20 (nay là tổ 3), phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N338345 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cấp ngày 29/11/1999 cho hộ bà Đỗ Thị N. Nghĩa vụ bảo đảm tài sản là bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh giữa ngân hàng và Công ty TNHH Xây dựng 2. Trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2013, công ty đã thực hiện vay trả theo nhiều lần nhưng chưa có thời điểm nào kết thúc nghĩa vụ nợ tại

Ngân hàng do các hợp đồng có tính chất liên tục, kế tiếp nhau. Vì vậy tài sản đảm bảo cho khoản vay đầu tiên cũng vẫn là tài sản đảm bảo cho các khoản vay tiếp theo của Công ty TNHH xây dựng 2 tại Ngân hàng. Do vậy tài sản đảm bảo là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bà Đỗ Thị N vẫn có nghĩa vụ bảo đảm cho hai khoản vay cuối cùng của Công ty tại Ngân hàng (đến thời điểm hiện tại). Cụ thể là các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 482/2013/0001487 ngày 20/05/2013; số tiền vay: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay: 10%/năm. Từ tháng 08/2013 Công ty TNHH 2 không thực hiện trả lãi cho Ngân hàng. Khoản vay đã quá hạn từ ngày 20/11/2013. Đến ngày 14/7/2020, nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi là 209.250.000đ; lãi phạt chậm trả là 101.166.667đ.

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 482/2013/0001533 ngày 22/05/2013; số tiền vay: 300.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay: 10%/năm. Từ tháng 08/2013 Công ty không thực hiện trả lãi cho Ngân hàng. Khoản vay của công ty đã quá hạn từ ngày 22/11/2013. Đến ngày 14/7/2020 nợ gốc là 300.000.000đ, tiền lãi là 209.250.000đ; lãi phạt chậm trả là 101.083.333đ.

Tổng dư nợ gốc, lãi, lãi phạt chậm trả cả hai hợp đồng của Công ty đến ngày 14/7/2020 là: 1.220.750.000đ (một tỷ hai trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)*. Trong đó: nợ gốc: 600.000.000 đồng; nợ lãi: 418.500.000 đồng; lãi phạt chậm trả: 202.250.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH xây dựng 2 thu xếp nguồn trả nợ đồng thời đến làm việc với Công ty, gửi văn bản thông báo, giấy mời làm việc gửi cho Công ty yêu cầu Công ty thực hiện các nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty từ chối hợp tác với lý do giám đốc Công ty đã thay đổi. Giám đốc mới là ông Trần Văn T không nhận bàn giao khoản nợ này khi nhận vai trò là giám đốc công ty.

Đối với việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay: Ngân hàng đã gửi giấy mời làm việc, thông báo yêu cầu bàn giao tài sản tới chủ tài sản bảo đảm, trong đó nêu rõ nguyên nhân Công ty TNHH Xây dựng 2 không thực hiện trả nợ Ngân hàng theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng, yêu cầu bên thế chấp thu xếp nguồn trả nợ, bàn giao tài sản hoặc phối hợp với ngân hàng trong việc thanh lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tuy nhiên, bên thế chấp là bà Đỗ Thị N không những từ chối hợp tác với Ngân hàng mà còn nhiều lần đòi hỏi Ngân hàng trả lại tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho bà.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng 2, đề nghị Tòa án xem xét buộc công ty TNHH xây dựng 2 phải thực hiện thanh toán ngay toàn bộ nợ gốc vay, lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Công ty TNHH Xây dựng 2 với Ngân hàng tính đến ngày 14/7/2020 cụ thể là: 1.220.750.000đ (một tỷ hai trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*)*.

Ngoài số tiền kể trên, Công ty TNHH Xây dựng 2 phải có nghĩa vụ trả thêm phần nợ lãi và các khoản phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 13/7/2020 cho đến khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H.

Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng 2 không thực hiện trả ngay hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số dư nợ gốc, lãi phát sinh Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thi hành án, thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của công ty đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H, cụ thể tài sản thế chấp sau: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của hộ bà Đỗ Thị N tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo GCNQSDĐ số N 338345, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1007/(T)QĐ-UB do UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 29/10/1999 cho hộ bà Đỗ Thị N.

Nếu số tiền phát mại tài sản không trả đủ nợ cho Công ty TNHH xây dựng 2 tại Ngân hàng, số nợ còn lại, Công ty TNHH Xây dựng 2 phải có trách nhiệm trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

* Quan điểm trình bày của đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Văn T: Ông tiếp nhận chức vụ Giám đốc công ty TNHH xây dựng 2 từ ngày 10/5/2014. Tại biên bản bàn giao góp vốn xây dựng trang trại xã Bồ Đề thuộc Công ty TNHH xây dựng 2 ngày 10/5/2014 giữa giám đốc mới là ông Trần Văn Thành và giám đốc cũ là ông Lê Ngọc Đ thì công ty TNHH xây dựng 2 không có nợ.

* Quan điểm trình bày của bà Nguyễn Thị Mai P là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T: Bà công nhận công ty 27/7 có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H số tiền 600.000.000đ. Tài sản thế chấp vay tiền là đất số 172, tờ bản đồ số 4, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của bà Đỗ Thị N.

Thời điểm Công ty TNHH xây dựng 2 vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H đến nay công ty đã trải qua rất nhiều đời giám đốc nhưng khoản tiền vay trên vẫn chưa hoàn trả được. Hiện ông Trần Văn T vẫn là giám đốc của công ty. Tuy nhiên từ tháng 6/2018 đến nay công ty đã dừng hoạt động và không có doanh thu. Vì vậy nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H kiện công ty TNHH xây dựng 2 trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng trên bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nợ thì phải trả, nếu không trả được thì thanh lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam để trả cho Ngân hàng.

* Quan điểm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị N: Vào khoảng tháng 12/2009 vợ chồng ông Kiều Duy H và vợ là bà Trương Thị K có đến nhà bà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 172, tờ bản

đồ số 4, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam với mục đích để vay vốn Ngân hàng làm ăn. Do ông H là bạn của chồng bà nên bà đã đồng ý cho ông Hải mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H. Sau khi mượn được bìa đỏ của bà thì ông H tự làm mọi thủ tục để vay tiền Ngân hàng. Sau đó ông H mang các loại giấy tờ, hồ sơ đưa cho bà ký qua hàng rào của Trường mầm non Hai Bà Trưng trong giờ bà N đang làm việc. Do tin tưởng ông H nên bà cũng không đọc một chữ nào trong các loại giấy tờ đã ký. Ông H giở từng tờ và bà chỉ ký ở cuối trang. Sau khi ký xong bà N có nhắc ông H nhanh chóng thanh toán nợ để trả bìa đỏ cho gia đình bà. Sau đó giữa ông H và Ngân hàng đã ký kết các hợp đồng vay vốn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Ngày 08/2/2010 ông H và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H đã lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2010/TCTN với nội dung là bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự của bên vay đối với bên nhận thế chấp. Bà không có mặt tại thời điểm làm văn bản thế chấp vì vậy bà không biết nội dung thế chấp. Sau đó giữa Ngân hàng và ông H đã ký kết các hợp đồng vay vốn cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Đến nay bà chỉ biết hợp đồng tín dụng giữa ông H và Ngân hàng được ký kết ngày 08/2/2010 đã trả xong. Tuy nhiên do ông H chưa lấy *giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* của bà về để trả cho bà *nên những người đại diện sau của công ty 27/7 đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để thế chấp cho các khoản vay tiếp theo mà không được sự đồng ý của bà và ngân hàng chưa có văn bản xin ý kiến của bà về việc tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay.*

Nay bà N có quan điểm: Bà chỉ cho cá nhân ông Kiều Duy H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để làm tài sản thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H và khoản vay nợ này ông H đã trả xong. Ngoài ra bà không cho bất cứ ai mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tài sản thế chấp vay vốn. Bà không biết ông Đ, bà L là ai.

Ngoài ra, bà khẳng định: *Ngân hàng sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà để làm tài sản đảm bảo cho ông Đường vay tiền là trái pháp luật vì Ngân hàng không thông báo gì cho gia đình bà biết. Các biên bản làm việc, biên bản định giá tài sản của Ngân hàng có chữ ký của bà là giả tạo vì không có ai ở Ngân hàng đến nhà bà để làm việc hay định giá tài sản.* Đối với hợp đồng thế chấp tài sản là do ông H tự ý ra văn phòng công chứng ký và đóng dấu không có sự có mặt của bà vì nếu có mặt bà ở văn phòng công chứng thì ngoài chữ ký ra phải có điểm chỉ vân tay thì mới đúng sự thật. Các con trai của bà là Dương Ngọc A, Dương Mạnh D đã đến tuổi thành niên nhưng Ngân hàng cũng không đến xin chữ ký của anh D và anh Ngọc A để mang ra văn phòng công chứng điểm chỉ vân tay bổ sung vào hồ sơ vay vốn của công ty TNHH xây dựng 2. Ngân hàng không xác định phần thừa kế của chồng, bố mẹ chồng và anh em chồng của bà. Từ những lý do trên bà N yêu cầu Ngân hàng Thương mại cổ

phần Đ - Chi nhánh H trả lại cho bà GCNQSDĐ số N 338345, thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* Tại biên bản xác minh ngày 14/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xác định, ông Lê Ngọc Đ hiện bị bệnh tai biến mạch máo não nằm một chỗ không thể nhận thức được, không nghe được, không nói được phải có người chăm sóc vì vậy không có lời khai tại Tòa.

* Ngày 04/10/2019, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý có công văn yêu cầu thu thập chứng cứ, cụ thể là đưa ông Kiều Duy H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Sau khi xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ cho thấy ông Kiều Duy H hiện tại không có mặt tại địa phương.

* Tại phiên tòa ngày 15/01/2020 bà Đỗ Thị N có đơn đề nghị giám định chữ ký tại biên bản định giá ngày 31/7/2013 và biên bản làm việc ngày 06/6/2012. Ngày 06/2/2020 Tòa án đã ra quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết của bà N. Tại bản kết luận giám định số 35/C09 - P5 ngày 23/3/2020, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an có kết luận giám định như sau: Chữ ký, chữ viết đứng tên bà Đỗ Thị N trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1; A2 so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra".

Từ những nội dung trên, bản án số: 03/2020/DS-ST ngày 13, 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40, Điều 74, Điều 143, 144, khoản 1 Điều 147, các Điều 156, 158, 159, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 157, Điều 463, Điều 468, Điều 668 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019-HĐTP ngày 11/1/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm; áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Nam.

Buộc Công ty TNHH xây dựng 2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H số tiền 1.220.750.000đ trong đó nợ gốc là 600.000.000đ; nợ lãi là 418.500.000đ; lãi phạt chậm trả là 202.250.000đ cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi xuất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài số tiền nêu trên kể từ ngày 14/7/2020 trở đi Công ty TNHH xây dựng 2 tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H

theo hợp đồng tín dụng số 482/2013/0001487 ngày 20/5/2013 và hợp đồng tín dụng số 482/2013/0001533 ngày 22/5/2013 cho đến khi trả xong nợ.

Ngay sau khi Công ty TNHH xây dựng 2 trả hết tiền nợ gốc và nợ lãi Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, tổ 20 (nay là tổ 3), phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N338345 do Ủy ban nhân dân thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) cấp ngày 29/11/1999 cho hộ bà Đỗ Thị N để bà N thực hiện quyền sở hữu của mình.

Trường hợp Công ty TNHH xây dựng 2 không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ bà Đỗ Thị N tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 4, tổ 20 (nay là tổ 3), phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N338345 do Ủy ban nhân dân thị xã Phủ Lý cấp ngày 29/11/1999 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2/ Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên chi phí xem xét thẩm định, chi phí giám định chữ ký và chữ viết, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/7/2020, bà Đỗ Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án số: 03/2020/DS-ST ngày 13, 14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N anh Ngọc A, anh D đề nghị HĐXX áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 13,14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam do vi phạm nghiêm trọng về mặt tố tụng.

Đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H là ông Lê Văn L và ông Nguyễn Hồng K; đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai P đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị N, hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 13,14/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm bà N không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị N trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm của bà Đỗ Thị N, thấy:

Căn cứ lời khai của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm xác định: Xuất phát từ mối quan hệ thân quen giữa ông Kiều Duy H - Giám đốc Công ty TNHH xây dựng 2 với chồng bà N (ông Hải là bạn thân của chồng bà N) nên năm 2009, ông H đến gia đình bà N đặt vấn đề hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà N để thế chấp ngân hàng vay tiền kinh doanh, bà N đồng ý cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để thế chấp ngân hàng. Sau khi được sự chấp thuận của bà N, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch có đảm bảo và đến ngày 08/02/2010 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H với bà Đỗ Thị N ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2010/TCNH, bên thế chấp đồng ý bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh giữa bên nhận thế chấp và Công ty TNHH xây dựng 2, dư tín dụng của Công ty 2 tối đa theo hợp đồng thế chấp là 650.000.000đ, hợp đồng thế chấp được công chứng theo quy định.

Trên cơ sở đó ngày 10/2/2010, Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 482/2010/000188 cho Công ty 2 vay số tiền là 400.000.000đ, thời hạn vay là 6 tháng và ngày 25/2/2010 ký tiếp hợp đồng tín dụng 482/2010/000219 với số tiền vay 200.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng. Hai hợp đồng tín dụng này đều do ông Kiều Duy H là đại diện Công ty 2 ký và đã được Công ty 2 trả nợ ngân hàng đúng hạn, tất toán xong.

Sau đó kể từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2013, giữa Công ty 2 và Ngân hàng tiếp tục phát sinh tổng cộng 20 hợp đồng tín dụng vay ngắn hạn 06 tháng. Sau 20 lần vay trả đến nay còn 02 hợp đồng Công ty 2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đó là hợp đồng tín dụng số 482/2013/0001487 ngày 20/5/2013, số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng và hợp đồng tín dụng số 482/2013/0001533 ngày 22/5/2013, số tiền vay 300.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng; mục đích vay: vay trả tiền xi măng phục vụ sản xuất kinh doanh. Hai hợp đồng này do ông Lê Ngọc Đ là đại diện Công ty 2 ký. Do khó khăn trong hoạt động kinh doanh, Công ty 2 chỉ thực hiện trả lãi được đến tháng 8/2013 sau đó công ty không có khả năng trả nợ, khoản vay bị quá hạn kể từ ngày 22/11/2013 đến nay.

Hội đồng xét thấy: Năm 2009, khi còn là Giám đốc Công ty 2 ông Kiều Duy H là người trực tiếp mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình

bà N, đến năm 2010 ký hợp đồng thế chấp với tư cách là bên vay vốn, bên thế chấp là bà Đỗ Thị N và bên nhận thế chấp là Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Nam (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Hà Nam).

Căn cứ Hợp đồng thế chấp của bà N, Ngân hàng đã ký cho Công ty 27/7 vay 22 lần với thời hạn vay ngắn hạn là 06 tháng. Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định trong 22 lần vay thì ông Kiều Duy H làm đại diện Công ty 2 ký 10 hợp đồng (từ 10/02/2010 đến 23/6/2011), ông Phạm Văn T làm đại diện Công ty 2 ký 10 hợp đồng (từ 16/12/2011 đến 23/11/2012), hai hợp đồng cuối do ông Lê Ngọc Đ làm đại diện Công ty 2 ký. Các hợp đồng tín dụng giữa Công ty 2 với Ngân hàng do ông H ký vay đều đã tất toán xong, chỉ còn lại 02 hợp đồng do ông Đ ký chưa thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ việc chuyển nhượng vốn góp giữa ông H cho các thành viên sau có thỏa thuận gì liên quan đến trách nhiệm thanh toán nợ tại ngân hàng hay không, trong khi ông Trần Văn T là giám đốc Công ty 2 là người nhận bàn giao từ ông Đ xác định ông Đ không bàn giao công nợ tại ngân hàng. Do vậy cần phải đưa ông Kiều Duy H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Mặt khác căn cứ vào biên bản làm việc ngày 24/11/2020 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam xác định: Công ty TNHH xây dựng 2 đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 vào ngày 05/12/2019, thay đổi thành viên góp vốn gồm hai thành viên là ông Cao Vân K và bà Trần Thị L, người đại diện theo pháp luật là ông Cao Vân K, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Như vậy, kể từ ngày 05/12/2019 ông Trần Văn T không còn là thành viên trong Công ty và cũng không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng trong quá trình tố tụng và khi ban hành bản án số 03/2020/DS-ST ngày 13, 14/7/2020, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng 2 là ông Trần Văn T là không chính xác theo quy định tại các Điều 137, 140 Bộ luật dân sự. Trong trường hợp này, khi có sự thay đổi thành viên cũng như người đại diện theo pháp luật của Công ty cần phải làm rõ việc chuyển giao quyền lợi cũng như nghĩa vụ của các thành viên công ty, cấp sơ thẩm chưa xác minh việc chuyển giao này; chưa xác minh làm rõ ai là người kế quyền và nghĩa vụ (trong đó có nghĩa vụ của khoản nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, chi nhánh H) làm mất quyền tham gia tố tụng cũng như quyền kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm xét xử.

Những sai sót trên của cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được. Do vậy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ,

chi phí giám định sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị N.

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 13, 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại bà N số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ bà N đã nộp theo biên lai số 0004558 ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí giám định sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trần Văn San